

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 6 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Chung

Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ hồng Quân – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 570/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Tuyết N, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/11/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Tuyết N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chung sống không có hạnh phúc, anh L có lời lẽ đe dọa chị và không lo làm ăn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 16/4/2000 và cháu Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 04/7/2011. Hiện tại cháu H đã thành niên, còn cháu H1 do chị nuôi dạy.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh L được ly hôn; về con chung chị yêu cầu nuôi dạy cháu H1, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; tài sản chung để chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đương sự và đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến như sau:

Chị Cao Tuyết N vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện như trình bày, chị không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng với quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của chị N yêu cầu ly hôn với anh L; giao cháu H1 cho chị N tiếp tục nuôi dạy, anh L cấp dưỡng nuôi cháu H1 hàng tháng 695.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi; về tài sản chung không ai yêu cầu giải quyết nên không xét; chị N chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, anh L chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh L vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L được xác lập hợp pháp, thể hiện là anh chị tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống giữa chị N và anh L xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chung sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 như lời trình bày của chị N là thực tế có xảy ra. Điều này phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân của anh chị. Kể từ khi anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay đã được gia đình hai hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn nhưng không có kết quả, do anh L không tham gia hòa giải và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Điều đó chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho anh chị ly hôn là phù hợp với thực tế. Vì vậy, chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 16/4/2000 và cháu Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 04/7/2011. Cháu H1 hiện chưa thành niên, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị N trực tiếp nuôi dạy cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của cháu đã ổn định, đồng thời cháu H1 hiện tại đã trên 07 tuổi và cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị N, do đó giao cháu H1 cho chị N tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu H1 mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh L không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, do anh L hiện tại là nghề nghiệp lao động phổ thông nên lấy mức cấp dưỡng theo khả năng thực tế, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1 hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản hiện hành (mức lương cơ bản hiện nay 1.390.000 đồng/tháng) với số tiền 695.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu H1 tròn 18 tuổi. Đối với cháu H đã thành niên tự lo cho cuộc sống được nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N xác định để chị và anh L tự thỏa thuận, các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Chị N chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 18/12/2018, chị N nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí. Anh L chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của chị Cao Tuyết N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Tuyết N và anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 04/7/2011 cho chị Cao Tuyết N tiếp tục nuôi dạy. Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Nhật H1 mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật H1 hàng tháng với số tiền 695.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 04/6/2019 cho đến khi cháu H1 tròn 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực, chị N có đơn yêu cầu thi hành án, anh L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền đã nêu thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 18/12/2018, chị N nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005842 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí. Anh L chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Cao Tuyết N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn L vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHTB.

Bùi Văn Việt

